

Bản án số: 35/2022/HS-ST  
Ngày 08-7-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Đới

Bà Khúc Thị Minh

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1996; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Xóm Đ, xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình L1, sinh năm 1969 và bà Trần Thị C1, sinh năm 1976; có vợ là Nguyễn Ngọc O1, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự số 32/2022/HSST ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo Vũ Văn T 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/01/2022 đến ngày 28/01/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, có mặt.

**Bị hại:** Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ: Số 41/25 V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Quang M, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 41/25 V, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu nên trong thời gian từ ngày 07/01/2022 đến ngày 14/01/2022, Vũ Văn T đã 03 lần đi xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) và mang theo 01 chiếc kìm cộng lực đến hành lang đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc địa bàn huyện K, lén lút cắt các tấm lưới B40 (mỗi tấm lưới có kích thước 2,64 x 1,4 mét) dùng làm hàng rào bảo vệ hành lang đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng của Công ty TNHH MTV Q. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Rạng sáng ngày 07/01/2022, T điều khiển xe mô tô đi từ nhà trọ ở khu vực T, quận K1 đến thôn X, xã T, phát hiện các tấm lưới B40 hàng rào bảo vệ hành lang đường cao tốc không có người trông coi, đã dùng kìm cộng lực cắt 40 tấm lưới B40; rồi cuộn tròn các tấm lưới, đưa lên xe mô tô chở đi tiêu thụ. T mới chở được 30 tấm lưới thì trời gần sáng, sợ bị phát hiện nên để lại 10 tấm lưới.

**Vụ thứ hai:** Rạng sáng ngày 08/01/2022, T tiếp tục đến khu vực hành lang đường cao tốc thuộc thôn X, xã T, dùng kìm cộng lực cắt 25 tấm lưới B40, rồi cuộn tròn các tấm lưới, đưa lên xe mô tô chở đi tiêu thụ.

**Vụ thứ ba:** Rạng sáng ngày 14/01/2022, T tiếp tục đến khu vực hành lang đường cao tốc thuộc thôn K3, xã H, dùng kìm cộng lực cắt 15 tấm lưới B40, rồi cuộn tròn các tấm lưới, đưa lên xe mô tô chở đi tiêu thụ.

Cả 03 lần lấy các tấm lưới, T đều dùng xe mô tô chở các tấm lưới đến các cửa hàng thu mua phế liệu của những người không quen biết trên địa bàn thành phố Hải Phòng (không nhớ địa chỉ ở đâu) bán với giá 8.000-10.000đồng/kg, mỗi tấm lưới nặng khoảng 10kg. Toàn bộ số tiền có được, T đã chi tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 30/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 40 tấm lưới trộm cắp ngày 07/01/2022 trị giá 14.000.000 đồng, 25 tấm lưới trộm cắp ngày 08/01/2022 trị giá 8.750.000 đồng, 15 tấm lưới trộm cắp ngày 14/01/2022 trị giá 5.250.000 đồng. Tổng 80 tấm lưới trị giá 28.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKSKT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, người tên K cho T mượn xe mô tô và những người thu mua các tấm lưới B40, Cơ quan điều tra chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên tách ra điều tra xử lý sau.

Ngoài ra, T còn trộm cắp các tấm lưới B40 ở huyện A, thành phố Hải Phòng và huyện T, tỉnh Hải Dương đang được giải quyết theo thẩm quyền.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với bị cáo Vũ Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 18

tháng từ đến 24 tháng từ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Về dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q là anh Trịnh Quang M yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí khắc phục, sửa chữa là 90.035.000 đồng là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của bị cáo Vũ Văn T: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, T tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá T điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/01/2022 đến ngày 14/01/2022 tại địa phận xã H và xã T huyện K, bị cáo Vũ Văn T đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 80 tấm lưới thép B40 của Công ty TNHH MTV Q, tổng trị giá 28.000.000 đồng (trong đó ngày 07/01/2022 lấy 40 tấm lưới trị giá 14.000.000 đồng, ngày 08/01/2022 lấy 25 tấm lưới trị giá 8.750.000 đồng, ngày 14/01/2022 lấy 15 tấm lưới trị giá 5.250.000 đồng). Bị cáo T là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn T:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, trong đó trị giá tài sản các lần bị cáo trộm cắp được qua định giá đều trên 2.000.000 đồng, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo T đã tự thú về hành vi phạm tội của mình, khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy tài liệu xác minh thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về dân sự: Đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Trịnh Quang M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà Công ty TNHH MTV Q đã bỏ ra để sửa chữa, khắc phục là 90.035.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Như vậy cần chấp nhận buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền là 90.035.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2022.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Q số tiền là 90.035.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.501.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã N, N1;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**